

Bản án số: 80/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 07-02-2025  
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Lê Hoàng Yến

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Ngọc Lước.
2. Ông Đỗ Xuân Nam.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Kiều Trang- Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 1165/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 448/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/12/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2025 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/01/2025 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Trang Kim N. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: A H, Phường H, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

*- Bị đơn:* Ông Dương Tấn Bửu . (Vắng mặt)

Địa chỉ: B H, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn ngày 23 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Trang Kim N trình bày:*

Quan hệ về hôn nhân: Bà và ông Dương Tấn B tự nguyện kết hôn vào năm 2009, được Ủy ban nhân dân Phường B1, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/2009 ngày 05 tháng 5 năm 2009. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung không hạnh phúc do vợ chồng không hòa hợp, không tôn trọng và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Quan hệ về nuôi con: Bà Nguyễn Trang Kim N và ông Dương Tấn B không có con chung.

Quan hệ về chia tài sản: Bà Nguyễn Trang Kim N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các vấn đề khác: Bà Nguyễn Trang Kim N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ông Dương Tấn B là bị đơn, trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do.*

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố các tài liệu trong hồ sơ vụ án.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, T phồ Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

*[1.1] Quan hệ tranh chấp:*

Nguyên đơn bà Nguyễn Trang Kim N khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Dương Tấn Bửu . Xét đây là tranh chấp phát sinh trong quan hệ hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

*[1.2] Thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Căn cứ kết quả xác minh của Công an P1, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung ông Dương Tấn B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ B H, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

*[1.3] Sự có mặt, vắng mặt của đương sự:*

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 20 tháng 11 năm 2024. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

*[1.4] Việc thu thập chứng cứ:*

Tòa án đã tổng đạt họp lệ thông báo thụ lý; giấy triệu tập; thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa; giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn, nhưng bị đơn vẫn không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án. Do

đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ bà N khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ, không có chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án.

[2] Nội dung:

[2.1] *Quan hệ về hôn nhân:*

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/2009 ngày 05 tháng 5 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Phường B1, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Trang Kim N và ông Dương Tấn B là hợp pháp.

**Căn cứ kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường B1, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung căn nhà số B H P đã bán trước năm 2024. Hiện tại Ủy ban nhân dân Phường B1, quận P không rõ hoàn cảnh sinh sống của bà Nguyễn Trang Kim N và ông Dương Tấn Bửu .**

Xét: Mâu thuẫn phát sinh do hai bên bất đồng quan điểm, tính cách, không có sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cuộc sống chung không hạnh phúc. Trong suốt quá trình tố tụng ông B không đến tòa để trình bày ý kiến cũng như quan điểm về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và các vấn đề khác. Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích cuộc hôn nhân không đạt được nên việc bà N yêu cầu ly hôn với ông B để ổn định cuộc sống là chính đáng, có cơ sở chấp nhận.

[2.2] *Quan hệ về nuôi con:*

Bà Nguyễn Trang Kim N và ông Dương Tấn B không có con chung.

[2.3] *Quan hệ về chia tài sản:* Bà Nguyễn Trang Kim N tự khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] *Các vấn đề khác:* Bà Nguyễn Trang Kim N tự khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 48, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

*Tuyên xử:*

#### **1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:**

Quan hệ về hôn nhân: Bà Nguyễn Trang Kim N được ly hôn ông Dương Tấn B (Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyền số 01/2009 ngày 05 tháng 5 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Phường B1, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh).

**2. Quan hệ về nuôi con:** Bà Nguyễn Trang Kim N và ông Dương Tấn B không có con chung.

**3. Quan hệ về chia tài sản:** Bà Nguyễn Trang Kim N tự khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Các vấn đề khác: Bà Nguyễn Trang Kim N tự khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Trang Kim N phải chịu số tiền án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0029952 ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

6. Nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

7. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Trang Kim N, ông Dương Tấn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Lê Hoàng Yến**